

HOẠT ĐỘNG THANH TRA DƯỚI TRIỀU NGUYỄN GIAI ĐOẠN 1802 - 1885

NGÔ ĐỨC LẬP
HỒ NGỌC ĐĂNG

Trong những năm (1802 - 1885), bốn vị vua đầu triều Nguyễn, từ Gia Long, Minh Mạng đến Thiệu Trị, Tự Đức, đã có nhiều biện pháp để hạn chế nạn quan lại lợi dụng chức quyền tham ô, bòn rút tài sản của Nhà nước, những nhiễu dân chúng... Bên cạnh các cơ quan chuyên trách (Đô sát viện, Tam pháp ty...), các vị vua đầu triều Nguyễn còn ban định một chế độ khá đặc biệt là thành lập các đoàn thanh tra để thanh tra định kỳ hoặc thanh tra đột xuất các kho xưởng của triều đình và hoạt động của các địa phương.

1. HOẠT ĐỘNG THANH TRA VÀ HẠN ĐỊNH CÁC KHÓA THANH TRA

Dưới chế độ phong kiến, hoạt động thanh tra đã được tiến hành từ thời vua Lê Thánh Tông. Tuy nhiên, nhà vua chưa có quy định cụ thể về hoạt động thanh tra, mà tùy theo yêu cầu thực tiễn của các địa phương để phái một số quan lại đi tra xét hoạt động hình án, hay thu thuế... Đến thời trị vì của triều Nguyễn, hoạt động thanh tra đã có những bước phát triển hơn. Triều đình đề ra các quy định cụ thể hơn về hạn định, thành phần tham gia thanh tra, các cơ quan cần thanh tra tại triều đình, hoạt động thanh tra tại địa phương. Ngoài các đợt thanh tra định kỳ, nhà Nguyễn còn có các đợt thanh tra đột xuất khi cần thiết.

Đối với các cơ quan trực thuộc triều đình, triều Nguyễn chủ yếu quy định thanh tra các kho, xưởng ở Vũ khố, Nội vụ, Mộc thương liên quan đến quản lý tài sản, chế tác vật dụng, phương tiện, vũ khí... nhằm ngăn ngừa, hạn chế tình trạng quan, lại có thể lợi dụng quyền hạn để bòn rút tài sản, tiền bạc của triều đình. Hoặc triều đình sẽ thanh tra bộ Hình – cơ quan xét xử hình án, nhằm ngăn chặn quan lại lợi dụng chức quyền để đổi trắng thay đen tội trạng của phạm nhân... Nhìn chung, dưới thời trị vì của mình các vị vua đầu triều Nguyễn đã có những quy định thời hạn thanh tra các cơ quan này như sau:

- Dưới thời vua Minh Mạng: Năm 1827, triều đình ban định khóa thanh tra bộ Công theo định kỳ 6 năm 1 lần vào các năm Tỵ và Hợi. Năm 1829, định lệ thanh tra kho thuốc đạn theo định kỳ 12 năm/lần. Năm 1833, trước tình hình các án phạt ở bộ Hình có sung

Ngô Đức Lập. Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Huế.

Hồ Ngọc Đăng. Thạc sĩ. Khoa Xây dựng Đảng, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

công ruộng, đất, bạc, tiền, thóc, gạo, khí giới, bằng sắc, vua Minh Mạng tiến hành cho thanh tra bộ Hình khóa đầu tiên, với thành phần 1 Viên thị lang làm Đồng lý, 1 Viên ngoại lang, 9 bát, cửu phẩm thư lại, sau đó vì việc sung công của bộ Hình có liên quan đến bộ Hộ nên cho ghép khóa thanh tra hai bộ này làm một, với thành phần 1 viên ngoại lang hoặc Chủ sự, 3 bát, cửu phẩm thư lại đi theo viên Đồng lý, chuyên làm sự việc thanh tra bộ Hình. Năm 1837, khi cho đặt nha môn Mộc thương, vua Minh Mạng đã định lệ khóa thanh tra cơ quan này 6 năm/lần vào các năm Tỵ và Hợi, đến năm 1844 vua Minh Mạng cho đổi định niên khóa thanh tra Mộc thương vào các năm Tý và Ngọ còn Vũ khố thì lấy năm Sửu và Mùi (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2, tr. 297, 909; tập 3, tr. 516; tập 5, tr. 97).

- Dưới thời vua Thiệu Trị: năm 1844, đổi định niên khóa thanh tra, kho Mộc thương thì lấy năm Tý, năm Ngọ; kho Vũ khố thì lấy năm Sửu, năm Mùi (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 689).

- Dưới thời vua Tự Đức: Năm 1878, vua cho định lại niên khóa thanh tra phủ Nội vụ, Vũ khố, kho ở Kinh và kho các tỉnh đều 3 năm/lần (trước đây phủ Nội vụ 3 năm/lần, Vũ khố 4 năm/lần, kho ở Kinh và kho các tỉnh 6 năm/lần). Còn sở thuốc súng, quân Thủy sự trước đây 12 năm/lần, nay đổi 5 năm/lần. Năm 1880, vua Tự Đức cho định lại, các viện Thượng trà, Vũ bị, Thượng tứ, vệ Loan giá, xứ Thị vệ, đội Thượng thiện, ty Lý thiện, dinh Thủy

sự, Hỏa dược lệ cũ đều 5 năm/lần, đổi lại 3 năm/lần và lấy năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khóa thanh tra, còn Mộc thương, Vũ khố, lệ cũ lấy năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khóa thanh tra, nay đổi lấy năm Dần, Thân, Tỵ, Hợi làm khóa thanh tra (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 8, tr. 279, 420).

Đối với hoạt động thanh tra các địa phương, các vị vua đầu triều Nguyễn chủ yếu tổ chức thanh tra hoạt động thu thuế của các địa phương. Hoạt động này cũng được triều Nguyễn quy định theo định kỳ. Cụ thể, năm Gia Long thứ 15 (1816), nhà vua đã quy định khóa thanh tra các địa phương theo định kỳ 4 năm/lần, trong đó các tỉnh ở Bắc Thành tổ chức thanh tra vào các năm Tý, Ngọ, Mão và Dậu, còn các tỉnh từ Quảng Đức vào Nam thanh tra vào các năm Thìn, Tuất, Sửu và Mùi. Đến năm 1820, vua Minh Mạng vẫn áp dụng khóa thanh tra theo định kỳ 4 năm/lần như dưới thời vua Gia Long nhưng chuyển sang các năm Tý, Ngọ, Mão và Dậu. Đến năm 1844, vua Thiệu Trị cho đổi lại thành 6 năm/lần, các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Ninh Bình thanh tra năm Tỵ và năm Hợi, các tỉnh từ Bình Định đến Hà Tiên thì thanh tra năm Sửu và năm Mùi, còn các tỉnh từ Hà Nội đến Cao Bằng thì thanh tra năm Mão và năm Dậu. Đến thời vua Tự Đức, hạn định khóa thanh tra các địa phương do vua Thiệu Trị đặt ra trên đây vẫn được áp dụng và không thay đổi nhiều. Chỉ đến năm 1880, vua Tự Đức cho đổi khóa thanh tra trước đây ở các tỉnh phía Bắc vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu

sang các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 1, tr. 939-949, tập 2, tr. 63; tập 6, tr. 699, 420).

Nhìn chung, bốn vị vua đầu triều Nguyễn đã có quy định khá cụ thể về thời gian thanh tra hoạt động của các kho, xưởng và thu thuế ở các tỉnh. Việc tổ chức định kỳ là để tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý của triều đình cũng như sự chủ động cho quan lại tham gia thanh tra. Tuy nhiên, trong những trường hợp đặc biệt, triều đình có thể tiến hành đột xuất hoặc kéo dài kỳ hạn thanh tra.

2. THÀNH PHẦN CÁC ĐOÀN THANH TRA

Triều Nguyễn thường không có quy định cụ thể về thành phần tham gia thanh tra, nhưng nhìn chung thường chọn ra đội ngũ quan, lại có chức năng liên quan đến đối tượng thanh tra và có sự phối hợp liên, đa ngành. Đứng đầu đoàn thanh tra là 1 viên Đồng lý – Trưởng đoàn, 1 viên Phó Đồng lý và 1 viên Hiệp lý⁽¹⁾ cùng một số quan, lại thuộc các cơ quan khác nhau đi theo giúp việc. Tùy theo tính chất và sự phức tạp của mỗi khóa thanh tra, thành phần và số lượng quan, lại tham gia đoàn cũng khác nhau. Có những khóa thanh tra, triều đình ban đầy đủ các chức Đồng lý, Phó Đồng lý và Hiệp lý cùng một số quan, lại khác nhưng cũng có những khóa thanh tra có thể thiếu chức Phó Đồng lý hoặc Hiệp lý. Riêng Đồng lý là chức bắt buộc phải có của mỗi khóa thanh tra.

Trước năm 1836, vua Minh Mạng quy định thành phần đoàn thanh tra các địa phương là quan hàm thất, bát phẩm. Tuy nhiên, kể từ năm 1836 trở đi, do trọng trách nặng nề, khối lượng công việc lớn và cũng để tăng uy quyền trong hoạt động thanh tra, vua Minh Mạng cho định lại. Quan triều đình đi thanh tra phải là hàm tam phẩm, còn quan địa phương là Bô chính, Án sát của hạt khác; với các khóa thanh tra 3 năm thì phái quan triều đình hàm tứ phẩm, quan địa phương là các viên giám sát cấp khoa, đạo (Cấp sự trung lục khoa hoặc Giám sát ngự sử các đạo). Như vậy, kể từ năm 1836, triều Nguyễn đã có sự phân định thành phần tham gia đoàn thanh tra khá rõ ràng. Nhất là không cho Bô chính, Án sát thanh tra trong hạt – địa phương mình quản lý (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 889-891). Đến năm 1838, vua Minh Mạng định lại lệ khóa thanh tra ở các địa phương. Tới kỳ thanh tra (3 năm xét tính, 6 năm so sánh), các tỉnh lớn “phái tứ phẩm Lang trung hoặc Lục khoa Chưởng ấn”; phủ Thừa Thiên và các tỉnh vừa “phái ngũ phẩm Viên ngoại lang hoặc Khoa đạo”, mỗi hạt đều một viên trông coi; với “An Giang và Trấn Tây, sự thể liên quan với nhau, chỉ phái một viên làm việc kiêm cả biên”.

Các vị vua Nguyễn rất linh động trong quy định số lượng và thành phần tham gia thanh tra. Tùy theo cơ quan quan trọng, kho tàng cất giữ tài sản quý giá hay tỉnh lớn nhỏ, xa gần, mà triều Nguyễn phân bổ số lượng thành viên và các chức quan thanh tra thích hợp.

Dưới thời vua Minh Mạng và vua Thiệu Trị, các khóa thanh tra các địa phương được qui định 6 năm một lần, vì “công việc hơi nhiều, quan nào trông coi hạt nào, nên dùng quan phẩm nào”. Cụ thể, “tỉnh lớn thì dùng Lang trung hoặc Chương ấn; tỉnh vừa thì Viên ngoại lang hoặc Khoa đạo”. Còn số nhân viên giúp việc cũng có sự chênh lệch, Hà Nội thì cử 4 người, các tỉnh lớn mỗi hạt đều 3 người, các tỉnh vừa⁽²⁾ mỗi hạt đều 2 người. Hơn nữa, trước đây về chức thanh tra khóa 6 năm tại các địa phương thường phái thất, bát phẩm, nhưng đến năm 1836, vua Minh Mạng cho định lại, với khóa 6 năm thì phái quan tam phẩm ở Kinh hoặc Bộ chính, Ấn sát hạt khác; đối với khóa thanh tra 3 năm, thì phái quan tứ phẩm ở Kinh hoặc các viên khoa đạo (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 889-891).

Thanh tra là một hoạt động rất phức tạp, nhạy cảm, thậm chí ảnh hưởng đến uy tín, tình cảm và cả tính mạng, nên các vua Nguyễn rất quan tâm đến việc lựa chọn đội ngũ quan lại. Vua Tự Đức từng cho rằng: “Thanh tra là để ngăn kẻ gian dối, phạm người dự phái đi, tất phải thanh liêm được việc. Do vậy, từ nay trở đi, những người đã cử lên, hoặc cả nhà cùng cử hoặc chuyên cử riêng, đều phải ký tên bầu cử tâu lên, để phòng khuyên răn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 7, tr. 257).

3. CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ THƯỞNG, PHẠT TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA

Triều Nguyễn có quy định cụ thể về chế độ lương, phẩm phục, xuân phục...

cho hệ thống quan lại trong cả nước và được phân theo thứ bậc. Tuy nhiên, đối với những quan lại được triều đình cử đến các địa phương khác công cán, kinh lý, ngoài chế độ lương thường xuyên còn ban thêm các khoản lương khác. Năm 1836, bộ Hộ bàn tâu rằng trước đây các quan nếu được sung đi thanh tra đều chiếu theo phẩm cấp thêm gấp bội số tiền và gạo. Tuy nhiên, trong các thành viên, chức phẩm cao thấp khác nhau nên chế độ khác nhau. “Người phẩm cao được cấp gấp bội, thực thấy hậu quá; còn người phẩm thấp thì lại được ít, tựa hồ có chỗ chưa đều”. Vì vậy, bộ này “xin thường cấp tùy theo việc nhiều hay ít, đường xa hay gần, kỳ hạn rộng rãi hay gấp rút”. Cụ thể:

- Đối với thanh tra bộ Hộ kiêm bộ Hình, thanh tra các nha bộ Công, Nội vụ và Vũ khố công việc nhiều, thời gian thanh tra kéo dài từ 4 - 6 tháng, viên Đồng lý và quan nhất, nhị phẩm: 150 quan tiền; quan tam phẩm: 120 quan; quan tứ phẩm: 100 quan; viên phó Đồng lý, nếu quan tam phẩm: 100 quan, nếu quan tứ phẩm: 80 quan; còn các viên thừa biện là quan tứ phẩm: 60 quan, quan ngũ phẩm: 50 quan, quan lục, thất phẩm: đều 40 quan; các viên tùy biện: bát cửu phẩm, thư lại đều 30 quan (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 889).

- Đối với kỳ thanh tra các địa phương, tùy theo tỉnh lớn, nhỏ và xa, gần mà có chế độ thích hợp. Các tỉnh xa Kinh như An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định: quan lục, thất phẩm đều được thưởng tiền 45 quan; bát,

cửu phẩm thư lại đều 35 quan. Các tỉnh như Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên: quan lục, thất phẩm đều 40 quan; bát, cửu phẩm thư lại đều 30 quan. Còn các tỉnh gần như các tỉnh Bình Định, Thanh Hóa, Nghệ An: quan lục, thất phẩm đều 35 quan; bát, cửu phẩm thư lại đều 25 quan hay các tỉnh gần hơn nữa như Quảng Nam: quan lục, thất phẩm đều 30 quan; bát, cửu phẩm thư lại đều 20 quan... Vua Minh Mạng đã y cho (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 889).

Quy định này cho thấy triều Nguyễn quan tâm rất cụ thể đến đội ngũ quan lại làm nhiệm vụ thanh tra bởi trách nhiệm nặng nề mà họ gánh vác.

Song song với chế độ lương, triều Nguyễn còn có một chế độ đặc biệt cho đội ngũ quan lại tham gia hoạt động thanh tra, đó là chế độ thưởng phạt đối với các thành viên khi có công hay phạm lỗi. Năm 1870, vua Tự Đức quy định nếu các viên thanh tra có phát giác được những việc gian trá, giấu bớt tiền gạo, đồ vật của công, “tính thành tiền từ 1 vạn quan trở lên, hoặc số tiền gạo phải thu trong 1 khóa có nhiều, chia ra 10 thành mà phát xuất được 1 thành, thì nếu là viên Đồng lý tự phát xuất trước được thưởng thăng 1 trật, chủ sự, tư vụ đi theo làm việc, đều gia 1 cấp; bát, cửu phẩm đều thưởng tiền lương 6 tháng, cứ mỗi 1 vạn quan tiền hoặc 1 thành, đều lần lượt thưởng như thế”. Đặc biệt, đối với viên Đồng lý thường phẩm hàm cao, trách nhiệm nặng nề thì được gia 2 trật, còn chủ sự, tư vụ gia

đến 2 cấp, bát, cửu phẩm thường tiền lương đến 1 năm. Trường hợp “nếu các người đi theo làm việc phát xuất ra, thì người tự phát xuất trước được thưởng thăng 1 trật, viên Đồng lý được gia 1 cấp”. Ngược lại, “nếu người đi theo làm việc không phát xuất được việc gian, thì xử tội kém Chủ thủ 1 bậc, Đồng lý kém người đi theo làm việc 1 bậc. Nếu xét có tình khác thông đồng ăn hối lộ, thì phải tội cũng như kẻ phạm pháp” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2, tr. 916). Quy định này cho thấy vua Tự Đức nói riêng và triều Nguyễn nói chung tạo điều kiện, khuyến khích trách nhiệm của đội ngũ quan lại thanh tra, nhưng đồng thời cũng ngăn ngừa, hạn chế tối đa lòng tham của những quan lại lợi dụng quyền hành để tư lợi. Đây là một chế độ tiến bộ của triều Nguyễn.

4. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HOẠT ĐỘNG THANH TRA

Trong các biện pháp phòng chống nạn quan lại tham ô, những nhiều của triều Nguyễn, nếu như hoạt động giám sát, đàn hặc của Đô sát viện có tác dụng “chống” và khắc phục khi sự việc đã xảy ra, thì hoạt động thanh tra chủ yếu có tác dụng “phòng” – ngăn chặn âm mưu tư lợi. Qua nghiên cứu, có thể thấy hoạt động thanh tra dưới triều Nguyễn có những đóng góp như sau:

Hoạt động thanh tra đã góp phần hạn chế nạn “quan tham, lại nhũng”. Trong quá trình thực thi quy định của triều đình, các đoàn thanh tra đã có nhiều đợt phát giác ra những viên quan lợi dụng quyền hạn của mình để bòn rút tiền của triều đình hoặc hãm hại dân

chúng. Năm 1845, Quyền Chương án Cấp sự trung Hình khoa Trình Nho trước đây khi được phái đi thanh tra tỉnh Hà Tĩnh đã nhận bừa đơn kiện của dân chúng và cho rằng Tri huyện Hương Sơn là Hồ Mậu Đức nhận của lót. Sự việc đã bị dân chúng phản đối. Vua giao cho quan tỉnh Hà Tĩnh xét lại, sự thực không phải như vậy mà do Trình Nho đã nhận hối lộ, vua Thiệu Trị đã tuyên phạt ông thất cổ chết. Vua còn cho rằng: “Đài ngự sử (Đô sát viện) quan hệ đến phong hóa và pháp độ, tất phải tự mình giữ cho thanh bạch, mới có thể trị được tội lỗi của người; nếu bề ngoài làm ra cái tiếng bắt đánh, bên trong thi hành cái thuật nhận lễ đút lót, thân mình không chính đĩnh thì giúp cho người khác chính đĩnh thế nào được!” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 753).

Năm 1841, Tổng lý thanh tra Đặng Quốc Lang đã đàn hặc Án sát hai tỉnh Hải Dương Bùi Cung Tiên và tỉnh Quảng Yên Vũ Viết Sĩ, vì trước đây khi được giao thu thuế đội buôn nhà Thanh đã biên lẫn thuế bạc vào diện được miễn thuế sai quy định làm thất thoát nguồn thu hơn 1.000 quan tiền. Khi án được tâu lên, vua phạt Bùi Cung Tiên đi làm lính ở đảo Phú Quốc, Vũ Viết Sĩ bị phát phối ra đồn tấn Đà Nẵng, đem sức để phục dịch (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 244). Hay năm 1833, đoàn thanh tra tra xét phát hiện Lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Văn Cận, trước làm Trấn thủ Sơn Nam, giữ việc đốc thu số thuế còn thiếu nhiều, vua Minh Mạng phạt cách chức Nguyễn Văn Cận (Quốc sử

quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 469). Hoạt động thanh tra cũng hạn chế thất thoát tiền của của nhà nước. Năm 1853, Nguyễn Viết Điện đi thanh tra tỉnh An Giang đã phát hiện số thóc dôi dư hơn 500 hộc và Nguyễn Hữu Thông thanh tra Thuận - Khánh cũng phát hiện số thóc dôi dư hơn 1.047 hộc sung công quỹ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 7, tr. 287).

Việc trừng trị quan tham của triều Nguyễn là không có “vùng cấm”, kể cả đó là hoàng thân quốc thích. Triều Nguyễn còn thẳng tay trừng trị những viên quan được giao trọng trách “cầm cân nảy mực” trong thanh tra. Năm 1879, Nguyễn Ngọc Chấn được giao chức Phó Đồng lý thanh tra phủ Nội vụ, nhưng khi thực thi trách nhiệm ông đã mượn đồ vật của kho như bút vua dùng và vải... Sự việc bị phát giác, vua Tự Đức cho cách chức theo quân thứ làm việc sai phái (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 8, tr. 335). Hay năm 1852, Lang trung Nguyễn Văn Thi và Chủ sự Phan Đăng Sĩ đều là quan bộ Lễ nhân đi thanh tra tỉnh Thanh hóa đã tự ý lấy số thóc còn thừa trong kho cho các viên Chủ thủ để mưu lợi riêng đã bị triều đình phạt tội tham tang (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 7, tr. 236).

Một đóng góp quan trọng và cũng là mong muốn của các vua Nguyễn là bảo vệ quyền, lợi ích của dân chúng. Sử liệu cho thấy, có nhiều đợt thanh tra của triều Nguyễn đã tra xét, giải án oan hay trả lại những sản vật, tiền của dân chúng đã bị người khác hay quan lại chiếm đoạt. Điển hình như năm

1842, viên Ngoại lang bộ Hình là Lê Ngọc Chấn đi thanh tra việc công Hà Tĩnh trở về, tự tiện lấy 14 tên phu trạm và 2 con ngựa trạm để vận tải đồ vật riêng cho gia quyến và bắt quan tỉnh cắt biên binh đi hộ tống. Sự việc này bị quan Khoa đạo Vũ Trọng Bình hặc tâu và triều đình đã cho người thanh tra. Sự thật như Vũ Trọng Bình tâu hặc. Vua Thiệu Trị cho rằng Lê Ngọc Chấn “khinh nhờn pháp luật”, liền hạ lệnh cách chức, giao viện Đô sát xử tội mãn đồ (niên hạn tối đa trong tội đồ), Bố chính Nguyễn Đồng Khoa và án sát Nguyễn Khắc Trạch ở Hà Tĩnh đều bị giáng 2 cấp lưu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 420).

Hàng năm, đối với những địa phương bị thiên tai đe dọa, dân chúng thiệt hại mùa màng, hư hỏng nhà cửa, triều Nguyễn cũng phái các đoàn thanh tra đến điều tra tình hình để cứu giúp dân chúng. Chẳng như năm 1861, đê Bắc Ninh (2 phủ huyện Từ Sơn, Tiên Du) bị vỡ nước dâng lên từ 5 - 6 thước, hầu hết nhà dân đều bị ngập, lúa ruộng bị ngâm hỏng nặng, mất mùa, đói kém. Vua Tự Đức liền sai Đồng lý thanh tra tỉnh Nam Định là Lang trung Phạm Công Đề đi Bắc Ninh hội đồng với quan tỉnh, quan đề chính khám xét các xã thôn bị thiên tai, đem tiền thóc đến nơi phát chẩn cứu đói cho dân khẩn cấp và sai tìm cách khơi đắp ngăn lũ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 7, tr. 726).

5. KẾT LUẬN

Trong quá trình xây dựng, kiện toàn bộ máy hành chính, các vua đầu triều Nguyễn đã có nhiều biện pháp nhằm hạn chế nạn quan tham, nhũng nhiễu dân chúng. Trong đó, việc quy định cụ thể hoạt động thanh tra định kỳ các cơ quan trực thuộc triều đình và các địa phương là một trong những tiến bộ về quản lý nhà nước của triều Nguyễn (Ngô Đức Lập, 2013, tr. 37).

Trong quá trình ban định các quy định về hoạt động thanh tra, triều Nguyễn đã không cứng nhắc mà có sự sáng tạo trong quy định về thành phần quan lại tham gia thanh tra, thời gian, chế độ lương. Tùy theo từng thời kỳ lịch sử và tính cấp thiết của mỗi đợt thanh tra mà các khóa thanh tra có thể có hạn định về thời gian, thành phần khác nhau. Đặc biệt, các vị vua đầu triều Nguyễn đã có các chế độ lương, thưởng, phạt hợp lý nhằm khuyến khích tinh thần trách nhiệm cũng như hạn chế sự chuyên quyền, tính tư lợi của đội ngũ quan, lại khi được triều đình giao cho trọng trách thanh tra các hoạt động nhạy cảm của đất nước. Có thể nói cơ chế thanh tra dưới triều Nguyễn đã góp phần làm trong sạch bộ máy hành chính, bảo vệ nền quân chủ chuyên chế và khẳng định sự vững mạnh của triều Nguyễn trong thời kỳ độc lập tự chủ. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Đây là chức phó Tỉnh trưởng các dinh trực lệ là Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam. Kể từ năm 1831, chức Hiệp lý ở các tỉnh này được đổi thành Án Sát sứ thì chức Hiệp lý của

đoàn thanh tra cũng được thay bằng chức Án Sát sứ. (Dẫn theo Đỗ Văn Ninh, 2006, tr. 306). Tuy nhiên, chức năng của Án Sát sứ là “*giữ việc kiện tụng hình án trong toàn hạt, chấn hưng phong hóa, kỷ cương, trừng thanh các quan lại, kiêm coi công việc chạy trạm trong hạt*” (Dẫn theo Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 234).

⁽²⁾ Tỉnh lớn như Gia Định, Vĩnh Long, Bình Định, Quảng Nam, Nghệ An, Thanh Hóa, Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương; tỉnh vừa như Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Biên Hòa, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Yên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng (Dẫn theo Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 669).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đỗ Văn Ninh. 2006. *Từ điển chức quan Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
2. Ngô Đức Lập. 2013. *Kinh lược hoạt động thanh tra, giám sát đặc biệt dưới triều Nguyễn (1802 - 1885)*. Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, tập 82, số 4.
3. Ngô Đức Lập. 2013. *Vài nét về cơ chế hoạt động độc lập của tổ chức giám sát dưới triều Nguyễn*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 8(448).
4. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007 (bản dịch). *Đại Nam thực lục*, tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Sử học xuất bản. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.